TAND HUYỆN YT **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HSST
Ngày: 23/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Thắng

Bà Triệu Thị Lại

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang: Ông Dương Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/HSST ngày 28/9/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/HSST-QĐ ngày 10/10/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn D**, sinh năm 1986. Tên gọi khán: Không;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn TN, xã HK, huyện YT, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1965 và con bà Hà Thị H, sinh năm 1966;

Vợ là Nguyễn Thị L1 (Đã ly hôn năm 2010); con: Chưa có; gia đình có 02 anh em ruột bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Tại Bản án số 09/2011/HSST ngày 14/4/2011, Trần Văn D bị Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

+ Năm 2008, Trần Văn D bị Công an huyện YT đã xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/7/2018, tạm giam từ ngày 20/7/2018 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại.**

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 2, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

1. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1991

Ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Trần Thế H1, sinh năm 1974 (Có mặt)

3. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Chỉ C, xã ĐL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Lê Thành V, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố HHT, thị trấn CG, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Phạm Khắc M, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố HHT, thị trấn CG, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng**

Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn M, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 27/3/2018, Trần Văn D gọi điện cho bạn là anh Bùi Văn T rủ đến nhà D chơi và bảo T cứ đi đến cây xăng xã HK thì D sẽ ra đón. Sau đó, T cùng Nguyễn Văn S (S là bạn của T) đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, biển kiểm soát 98M1 - 025.57 của S sang nhà D chơi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T đến khu vực cây xăng xã HK thì T gọi điện cho D ra đón. D đi bộ từ nhà ra đường rồi ngồi nhờ xe mô tô của người không quen biết đi ra cây xăng chỗ hẹn thì gặp S và Th đang chờ ở đó. Sau đó S chở T và D bằng xe mô tô đi về nhà D. Ngồi ở nhà D chơi được 30 phút thì D nhận được điện thoại của Quỳnh (bạn của D) bảo D là xe bị hết xăng ở khu vực đường tàu xã HK và nhờ D đi mua xăng hộ. D lấy ở trong nhà 01 chai nhựa cocacola loại 1,5 lít rồi hỏi S cho mượn xe mô tô để đi mua ít xăng thì S đồng ý và đưa chìa khóa xe mô tô cho D. D đi ra cây xăng xã HK mua 30.000 đồng tiền xăng rồi đi ra chỗ Quỳnh đợi đổ xăng cho Quỳnh. Đổ xăng xong, Quỳnh đi về nhà còn D đi về nhà anh Khương ở ngã tư TN, xã HK mua thuốc lá hút và ngồi uống nước ở đó. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh S đem cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân nên D điều khiển xe mô tô đến nhà Trần Thế H1, sinh năm 1974 ở thôn Chỉ C, xã ĐL, huyện YT bảo H1 cầm cố cho chiếc xe mô tô. H1 hỏi xe của ai và có giấy tờ gì không thì D nói dối là xe của nhà D, giấy tờ để ở nhà. H1 tin D nói thật nên đồng ý cho D vay tiền. D viết giấy vay H1 4.000.000 đồng và để chiếc xe mô tô của S. H1 bảo vợ là chị Phạm Thị H2, sinh năm 1986 lấy tiền đưa cho H1, H1 đưa cho D. D cầm tiền đi ăn chơi hết, không về nhà. Khoảng 1 tuần sau, D lại đến nhà anh H1 vay thêm 500.000 đồng nhưng không viết giấy tờ

gì, D đã chi tiêu cá nhân hết.

Trong khi đó, T và S chờ D ở nhà không thấy D về nên đã gọi điện cho D nhưng D không nghe máy nên đã đi về. Hôm sau, S liên lạc được với D bảo Duy trả xe mô tô thì D nói dối là xe bị công an giao thông giữ và hẹn S hôm sau sẽ xin xe về trả. Sau nhiều lần S gọi điện yêu cầu D trả xe nhưng D không trả và bỏ đi khỏi nhà. Số tiền cầm cố xe D đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 10/4/2018, S đã có đơn trình báo đến Công an xã HK và giao nộp 01 đăng ký xe mô tô số 057851 biển kiểm soát 98M1-025.57, 01 quyển sổ bảo hành của Công ty Honda Việt Nam. Ngày 04/6/2018, Công an HK đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra Công an huyện YT để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi không thấy D đến chuộc xe mô tô, đến ngày 16/5/2018, H1 đã đem chiếc xe đặt cho Lê Thành V, sinh năm 1983 ở phố HHT, thị trấn CG, huyện YT để vay số tiền 6.900.000 đồng. V đã tháo yếm, tháo hai gương chiếu hậu của xe ra để đi cho thoáng. Trong quá trình sử dụng xe mô tô, V đã làm rơi mất biển số của xe mô tô. Sau đó, V đã cho Phạm Khắc M, sinh năm 1988 ở cùng phố mượn để làm phương tiện đi lại. Ngày 17/7/2018, M đã giao nộp chiếc xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YT. Trần Thế H1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 " Giấy vay tiền" đề ngày 27/3/2018, người vay là Trần Văn D; 01 " Giấy vay tiền" đề ngày 16/5/2018, người vay là Trần Thế H1 và số tiền 5.000.000 đồng để trả cho Lê Thành V. Ngày 02/9/2018, Lê Thành V đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc yếm xe mô tô màu trắng là yếm xe mô tô của anh S.

Do không có tiền chuộc xe trả lại cho anh S nên D đã bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 17/7/2018, D đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YT đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A10 vỏ màu hồng đen có 01 sim bên trong.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 38/KL-HĐĐGTS ngày 18/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YT kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, số máy HA08E1555873; số khung 0809AY255852, dung tích 100, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2012 biển kiểm soát 98M1 - 025.57 có giá trị là 9.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 43/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YT kết luận: Chi phí để thay thế, sửa chữa các bộ phận hư hỏng xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, không biển kiểm soát, không có yếm; số khung 0809AY255852; số máy HA08E1555873 là 710.000 đồng. Trong đó: Phần ốp nhựa đèn xi nhan hai bên phía trước; 100.000 đồng; Yếm xe: 280.000 đồng; Cụm đèn chiếu sáng phía trước; 150.000 đồng; Gương chiếu hậu hai bên: 180.000 đồng. Chi phí để cấp lại biển số đăng ký của xe mô tô là 200.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1196/KL-PC09 ngày 05/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định(ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Trần Thế H1 trên các tài liệu mẫu so sánh(ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết trên tài liệu cần giám định(ký hiệu A2- trừ chữ số 5 tại dòng thứ 7 từ trên xuống dưới) so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M5, M6, M7) là do cùng một người viết ra.

Trần Thế H1 khi cho D vay tiền và nhận của D để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M1 - 025.57 làm tin, H1 không biết là tài sản do D chiếm đoạt được của anh S nên không xử lý. H khai đã cho D vay tiền tổng cộng ba lần với tổng số tiền 5.000.000 đồng, trong đó có 4 triệu đồng có viết giấy vay nợ, còn hai lần sau mỗi lần D vay 500.000 đồng thì không có giấy tờ gì. Tuy nhiên, Trần Văn D chỉ thừa nhận vay của H1 hai lần tiền với tổng số tiền 4.500.000 đồng, trong đó vay 4.000.000 đồng có giấy tờ và vay 500.000 đồng không có giấy tờ gì. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng cả hai vẫn giữ nguyên nội dung đã khai.

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô S cho D mượn bị chiếm đoạt, 01 đăng ký xe mô tô và 01 sổ bảo hành xe mô tô của Công ty Honda Việt Nam là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1991(là anh trai S) ở thôn 2, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Ngày 07/8/2018, anh G ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D1, sinh năm1958 ở cùng thôn(là bố đẻ) giải quyết vụ việc. Ngày 11/9/2018, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho ông D1 chiếc xe mô tô kèm theo 01 đăng ký xe mô tô và sổ bảo hành.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A10 vỏ mầu hồng đen có 01 sim bên trong, là tài sản của D không liên quan đến việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H1 yêu cầu D phải bồi thường số tiền 05 triệu đồng, yêu cầu anh V phải trả số tiền 710.000 đồng chi phí sửa chữa hỏng xe mô tô. Anh V yêu cầu anh H1 phải trả số tiền 6.900.000 đồng. Anh S và ông D1 không có yêu cầu đề nghị gì.

Cáo trạng số 26/CT-VKS-YT ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YT truy tố bị cáo Trần Văn D tôi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn D từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 17/7/2018.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 465; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Trần Văn D phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Trần Thế H1 số tiền 5.000.000đ.

- Buộc anh Trần Thế H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho cho anh Lê Thành V số tiền 6.900.000đ. Xác nhận anh Trần Thế H1 đã nộp số tiền 5.000.000đ cho cơ quan điều tra để trả nợ cho anh Lê Thành V, còn lại số tiền 1.900.000đ buộc anh Trần Thế H1 phải trả nợ nốt cho anh V.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện YT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố , xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trần Văn D có mặt đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 27/3/2018, tại nhà của Trần Văn D ở thôn TN, xã HK, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Trần Văn D hỏi mượn của anh Nguyễn Văn S 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, biển kiểm soát 98M1 - 025.57, anh S tin tưởng đã giao xe cho D. Sau khi mượn được xe mô tô, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh S nên đã mang đi cầm cố cho anh Trần Thế H1 được số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* chi tiêu cá nhân. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M1-025.57 được định giá là 9.000.000đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng coi thường pháp luật, thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác. Lợi dụng mối quan hệ quen biết, mượn xe để sử dụng nhưng sau đó lại nảy sinh ý định chiếm đoạt nên mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thỏa mãn dấu hiệu và đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài

sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, nội dung Cáo trạng số 26/ CT-VKS-YT, ngày 28/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YT truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu năm 2011 đã bị Tòa án nhân dân huyện YT xử phạt 10 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Năm 2008 bị Công an huyện YT xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy cần lên một hình phạt tương xứng, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với hành vi của anh Trần Thế H1 và anh Lê Thành V, do không biết chiếc xe bị cáo mang cầm cố là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Thế H1 có mặt và đề nghị bị cáo phải trả cho anh tổng số tiền 5.000.000đ (Trong đó có 4.000.000đ tiền ký giấy vay nợ; 1.000.000đ tiền vay thêm). Đối với số tiền 6.900.000đ anh vay anh V, anh sẽ có trách nhiệm trả anh V. Nay anh đã nộp cho cơ quan điều tra công an huyện YT số tiền 5.000.000đ để trừ vào khoản nợ mà anh đã vay anh V. Số tiền còn lại anh sẽ có trách nhiệm trả anh V sau. Đối với yêu cầu của anh buộc anh V phải có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 710.000đ tiền sửa chữa xe. Nay anh S không yêu cầu ai phải bồi thường. Do đó anh cũng không yêu cầu anh V phải bồi thường cho anh nữa.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhất trí với yêu cầu của anh H1 là phải trả số tiền 5.000.000đ và bị cáo không có ý kiến đề nghị gì khác. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh H1 buộc bị cáo phải phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Trần Thế

H1 số tiền 5.000.000đ và buộc anh Trần Thế H phải có nghĩa vụ trả nợ cho cho anh Lê Thành V số tiền 6.900.000đ. Xác nhận anh Trần Thế H đã nộp số tiền 5.000.000đ cho cơ quan điều tra để trả nợ cho anh Lê Thành V, dó đó cần đối trừ đi cho anh H1, số tiền còn lại buộc anh Trần Thế H1 phải trả nợ nốt số tiền còn lại cho anh V là 1.900.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn S là người bị hại và người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Văn G ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D1 vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra và không đề nghị bị cáo phải bồi thường gì thêm. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về phía anh Lê Thành V vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra có yêu cầu anh H1 phải trả anh số tiền 6.900.000đ. Tại phiên tòa hôm nay anh H1 nhất trí với yêu cầu của anh V, do đó cần được chấp nhận yêu cầu của anh V.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 yếm xe mô tô mầu trắng đã cũ là của anh Nguyễn Văn G, anh G đã ủy quyền cho ông D1 tham gia tố tụng. Do đó cần trả cho ông D1 chiếc yếm nêu trên.

- 01 điện thoại di động cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu Mastel A10 số Imei1 : 355020051614997; số Imei2 : 355020051615002 bên trong có 01 sim Viettel, điện thoại có vỏ mầu hồng, đen được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "ĐT" bằng dấu của công an thị trấn Cầu Gồ và chữ ký của những người tham gia, không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo không yêu cầu trả lại. Do đó cần tịch thu xung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Trần Văn D 01 năm 06 tháng tù về tội ""Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/7/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn D.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 465; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Trần Văn D phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Trần Thế H1 số tiền 5000.000đ (Năm triệu đồng).

- Buộc anh Trần Thế H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Lê Thành V số tiền 6.900.000đ (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Trần Thế H1

đã nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại cơ quan điều tra công an huyện YT để trả nợ cho anh V. Nay cần buộc anh H1 phải trả số tiền còn nợ lại cho anh V là 1.900.000đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu 01 điện thoại di động cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu Mastel A10 số Imei1 : 355020051614997; số Imei2 : 355020051615002 bên trong có 01 sim Viettel, điện thoại có vỏ mầu hồng, đen được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "ĐT" bằng dấu của Công an thị trấn Cầu Gồ và chữ ký của những người tham gia.

- Trả lại ông Nguyễn Văn D1 một chiếc Yếm xe mô tô màu trắng đã cũ.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự.

Anh Trần Thế H1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YT;
- Công an huyện YT;
- THA huyện YT;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- UBND nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Chung